TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2018/DS – PT
Ngày: 22/10/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2018/TLPT - DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DS – ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 196/2018/QĐ – PT ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Nguyễn Thị Trúc L*, sinh năm 1972,

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2017)

- *Bị đơn: Võ Thị Bích H*, sinh năm 1987,

Địa chỉ cư trú: ấp S, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thái Văn M*, sinh năm 1985,

Địa chỉ cư trú: ấp S, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Ngày 11/10/2017, bị đơn chị Võ Thị Bích H có vay của chị số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) để trả nợ Ngân hàng. Việc vay tiền này chị H có viết giấy biên nhận và hẹn khi vay đáo hạn Ngân hàng lại sẽ trả nợ cho chị. Do khi cần tiền và đòi nhiều lần nhưng chị H cố tình né tránh và không trả. Vì vậy, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H cùng chồng là anh Thái Văn M phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn Võ Thị Bích H, nhưng chị H vẫn không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp hợp đồng vay với chị Nguyễn Thị Trúc L, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái Văn M trình bày:

Anh và chị Võ Thị Bích H là vợ chồng. Việc vay mượn giữa vợ anh là chị H và chị L thì chị hoàn toàn không biết. Đến khi sự việc xảy ra chị L có đến đòi nợ. Sau đó, chị H bỏ địa phương đi đâu, hiện nay ở đâu anh cũng không biết rõ. Khi chị H vay tiền của chị L không nói rõ và chị L cũng không báo với anh. Anh cũng không có ký tên vào biên nhận nợ. Việc nguyên đơn cho rằng chị H dùng tiền vay trả nợ ngân hàng là không có cơ sở vì ông vay tiền ngân hàng vào tháng 3. Do việc vợ anh vay tiền của chị L không bàn bạc với anh nên anh không đồng ý trả, để vợ anh tự giải quyết.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 51/2018/DS – ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L. Buộc chị Võ Thị Bích H phải trả cho chị Nguyễn Thị Trúc L số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Trúc L, nếu chị Võ Thị Bích H chưa thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả là 10%/năm trên số tiền chậm trả.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/5/2018 nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L kháng cáo, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử buộc anh Thái Văn M phải liên đới cùng chị Võ Thị Bích H trả cho chị Nguyễn Thị Trúc L số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn Võ Thị Bích H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Anh Thái Văn M không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: nguyên đơn kháng cáo mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 11/10/2017, bị đơn chị Võ Thị Bích H có vay của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Bản án sơ thẩm buộc chị Võ Thị Bích H phải trả cho chị Nguyễn Thị Trúc L số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), phần này của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Trúc L về việc yêu cầu anh Thái Văn M, chồng chị Võ Thị Bích H, phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị H trả nợ cho chị L, xét thấy hợp đồng vay chỉ có chị H tham gia giao dịch, anh M không tham gia ký kết hợp đồng vay, không có căn cứ chứng minh chị H sử dụng tiền vay vào mục đích chung của gia đình. Việc thu thập chứng cứ bổ sung tại Ngân hàng không xác định được chị H có tham gia vay Ngân hàng và cùng anh M trả nợ. Do đó không có căn cứ để buộc anh M cùng chị H liên đới trả nợ cho chị L, kháng cáo của chị L không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Trúc L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DS – ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L. Buộc chị Võ Thị Bích H phải trả cho chị Nguyễn Thị Trúc L số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Trúc L, nếu chị Võ Thị Bích H chưa thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả là 10%/năm trên số tiền chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Võ Thị Bích H phải chịu 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Trúc L không phải chịu, hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho chị L số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012961 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016861 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng